TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH NGHỆ AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2020/ST – HNGĐ
Ngày 29 tháng 8 năm 2022
"V/v:Ly hôn và tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng
Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Hải Yến và bà Nguyễn Thị Minh Thi.
Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Hiếu Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 29/8/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2022/TLST – HNGĐ ngày 16/5/2022 về việc "Yêu cầu ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 10/8/2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB-TA ngày 22/8/2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Chị L Thị T –** Sinh năm: 1979
Trú tại: Bản Y, xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

* *Bị đơn*: **Anh Vi Văn H** – Sinh năm: 1981
Trú tại: Bản Y, xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại phiên tòa, nguyên đơn chị L Thị T vắng mặt, nhưng trong đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2022 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị L Thị T trình bày:

Chị L Thị T và anh Vi Văn H kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến tháng 4 năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do anh H không quan T, chăm sóc gia đình, thường xuyên uống rượu say về đánh đập vợ con. Ngoài ra anh H

không chịu khó làm ăn nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Mặc dù chị T và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, cho cơ hội để anh H sửa chữa nhưng anh H không những không sửa chữa mà còn tiếp tục thường xuyên uống rượu, không chăm lo gia đình. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau và chị T cũng không chấp nhận tiếp tục chung sống với anh H nữa nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vi Đình L – Sinh ngày 01/01/2013. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Tại phiên tòa, bị đơn anh Vi Văn H vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Vi Văn H trình bày:

Anh H và chị T kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạch Ngàn, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau. Khi đi làm về anh H có uống rượu với bạn bè thì chị T lại nói nên dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng. Việc chị T yêu cầu ly hôn anh H không đồng ý và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để con có cha, có mẹ. Tuy nhiên, nếu chị T nhất quyết ly hôn thì anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vi Đình L – Sinh ngày 01/01/2013. Nay ly hôn con có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ: Anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Tại phiên tòa, cháu Vi Đình L vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Vi Đình L đã trình bày:

Bố cháu là Vi Văn H, mẹ cháu là L Thị T, hiện tại cháu đang sinh sống cùng với mẹ. Nay bố mẹ cháy ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là L Thị T.

- Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình điều tra, và xét xử. Bị đơn đã được tống đạt và thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt nên Toà án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ. Như vậy, vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điểm a,

điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị L Thị T được ly hôn với anh Vi Văn H.

+ Về nuôi con chung: Giao con chung Vi Đình L – Sinh ngày 01/01/2013 cho chị L Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Vi Văn H.

+ Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Về án phí: Chị L Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" mà bị đơn cư trú tại xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian đầu giải quyết vụ án, anh H có mặt tại Tòa án để làm việc. Tuy nhiên, giai đoạn sau, anh H không chấp hành, cố tình vắng mặt nhằm gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt, còn chị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L Thị T và anh Vi Văn H kết hôn với nhau vào năm 2012 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạch Ngàn, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 2 con chung, đến tháng 4/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Ngoài ra anh H không quan T, chăm sóc gia đình, thường xuyên uống rượu say về đánh đập vợ con, không chịu khó làm ăn. Nay tình cảm không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh H.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh H không đồng ý ly hôn với chị T vì anh H muốn vợ chồng đoàn tụ để con có cha, có mẹ. Tuy nhiên, nếu chị T nhất quyết yêu cầu ly hôn thì anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy mục đích của hôn nhân vợ chồng là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững trên cơ sở cùng nhau chăm lo cuộc sống, thương yêu, giúp đỡ và có trách nhiệm xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhưng anh H không làm được điều đó, anh H không chịu tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên uống rượu về chửi bới vợ con. Do đó hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Mặc dù, chị T đã cố gắng cho anh H nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng anh H vẫn không sửa chữa được. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H mong muốn doàn tụ để con có cha, có mẹ. Tuy nhiên, xét thấy vợ chồng không có tình cảm với nhau, anh H không có trách nhiệm với gia đình, chị T vẫn yêu cầu được ly hôn anh H. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2]. Về nuôi con chung: Chị L Thị T và anh Vi Văn H có 01 con chung là Vi Đình L – Sinh ngày 01/01/2013, Nay ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Nên cần giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con cũng có nguyện vọng được ở với chị T.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Vi Văn H cấp dưỡng nuôi con. Nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Vi Văn H.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ: Chị L Thị T và anh Vi Văn H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4]. Về án phí:

Chị L Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

2/ Tuyên xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị L Thị T được ly hôn với anh Vi Văn H.

2.2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Vi Đình L – Sinh ngày 01/01/2013 cho chị L Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh Vi Văn H.

(Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở).

3. Về án phí: Chị L Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn *(Đã nộp 300.000 đồng ngày 16/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).*

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND A;*
- *Chi cục THADS huyện A;*
- *UBND xã T, huyện C;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Lệ Hằng